CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải tên giao dịch nước ngoài Ha Hai Railway Joint Stock Company (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3908/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Hà Hải thuộc Tổng Công ty đường sắt Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100769656, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 07/01/2016, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm :

- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Chi tiết: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt Xây dựng công trình đường bộ Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Công ty có trụ sở tại: Ngách 481/73, đường Ngọc Lâm, Phường Gia Thuy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Lê Hữu Hưng	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Quốc Vượng	Thành viên
- Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Quốc Vượng	Giám đốc
- Ông Nguyễn Quang Long	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Như Điền	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Hoài Trung	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Vượng
Chức danh: Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC *(Tiếp theo)*

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Ngải — Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Cương — Thành viên
- Bà Trịnh Thị Diệu Quỳnh — Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0100759656 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI - Q.LONG BIÊN - T.P HÀ NỘI

Giám đốc
Nguyễn Quốc Vượng

BDO

Tel: +84 (0)4 37833911/12/13
Fax: +84 (0)4 37833914
www.bdo.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Số: 29 /2017/BCKT-BDO

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải, được lập ngày 27 tháng 02 năm 2017 từ trang 9 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN BDO

Bùi Văn Vượng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0780-2013-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2581-2013-038-1

BDO Audit Services Co.,Ltd, a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the International BDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO International network and for each of the BDO Member Firms.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	06/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**67.563.733.733**	**64.965.480.867**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**4.714.727.566**	**6.640.415.495**
1. Tiền	111		3.484.647.566	1.569.395.495
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.230.080.000	5.071.020.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**53.130.482.999**	**48.417.738.515**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	50.947.808.508	45.405.400.944
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	412.967.449	151.890.361
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.769.707.042	2.860.447.210
III. Hàng tồn kho	**140**		**9.692.078.622**	**9.296.863.305**
1. Hàng tồn kho	141	V.5	9.692.078.622	9.296.863.305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**26.444.546**	**610.463.552**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	26.444.546	547.834.519
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	62.629.033
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.644.324.709**	**7.210.854.484**
I. Tài sản cố định	**220**		**4.622.665.041**	**6.110.056.157**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	4.615.615.041	6.091.256.157
- *Nguyên giá*	*222*		*15.090.300.232*	*15.090.300.232*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(10.474.685.191)*	*(8.999.044.075)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	7.050.000	18.800.000
- *Nguyên giá*	*228*		*47.000.000*	*47.000.000*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(39.950.000)*	*(28.200.000)*
II. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**50.091.990**	**50.091.990**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	50.091.990	50.091.990
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**971.567.678**	**1.050.706.337**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	971.567.678	1.050.706.337
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**73.208.058.442**	**72.176.335.351**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(Tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	06/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**59.119.743.705**	**61.078.553.767**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**59.119.743.705**	**61.078.553.767**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	32.744.074.599	31.567.491.413
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	3.576.324.000	2.293.870.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.894.109.285	3.591.441.500
4. Phải trả người lao động	314	V.13	119.492.261	608.346.036
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		19.694.643	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	18.432.612.383	22.448.477.231
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		261.235.335	272.821.756
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	72.201.199	296.105.831
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**14.088.314.737**	**11.097.781.584**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.16**	**14.088.314.737**	**11.097.781.584**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.800.000.000	6.464.866.442
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*13.800.000.000*	*6.464.866.442*
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.17	-	4.632.915.142
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		288.314.737	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**73.208.058.442**	**72.176.335.351**

Lập ngày 27 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Hồng Vân	Hoàng Đức Tài	Nguyễn Quốc Vượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 07/01/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 06/01/2016
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.1**	**150.573.860.552**	**134.869.867.095**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**150.573.860.552**	**134.869.867.095**
4.	**Giá vốn hàng bán**	**11**	**VI.2**	**138.931.894.419**	**125.646.666.370**
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**11.641.966.133**	**9.223.200.725**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	711.087.193	655.378.135
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	10.394.297.399	9.775.671.925
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**1.958.755.927**	**102.906.935**
11.	Thu nhập khác	31	VI.5	123.185.514	647.016.782
12.	Chi phí khác	32	VI.6	232.455.057	108.280.347
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(109.269.543)**	**538.736.435**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**1.849.486.384**	**641.643.370**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	407.912.700	141.161.541
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**1.441.573.684**	**500.481.829**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.8**	**940**	**-**
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**	**VI.9**	**940**	**-**

Lập ngày 27 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Hồng Vân	Hoàng Đức Tài	Nguyễn Quốc Vượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 07/01/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 06/01/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		161.211.803.397	138.432.603.710
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(89.846.891.944)	(58.978.791.627)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(58.483.351.875)	(78.028.612.226)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(49.562.123)	(376.784.525)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		34.733.325.259	7.013.854.648
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(50.211.290.796)	(3.619.818.767)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(2.645.968.082)***	***4.442.451.213***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21			(54.545.454)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		720.280.153	655.378.135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***720.280.153***	***600.832.681***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(1.925.687.929)**	**5.043.283.894**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**6.640.415.495**	**1.597.131.601**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**4.714.727.566**	**6.640.415.495**

Lập ngày 27 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Hồng Vân	Hoàng Đức Tài	Nguyễn Quốc Vượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3908/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Hà Hải thuộc Tổng Công ty đường sắt Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và hoạt động xây lắp liên quan đến đường sắt.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Chi tiết: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt Xây dựng công trình đường bộ Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Đặc điểm sản phẩm sản xuất hoặc dịch vụ cung cấp của doanh nghiệp: Các hoạt động liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá một năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 07/01/2016 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, công việc cổ phần hóa Công ty chỉ ảnh hưởng đến khoản mục tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn và vốn góp của chủ sở hữu do: Đánh giá lại tài sản ngắn, dài hạn và cơ cấu lại tài sản cố định của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 02 đơn vị thành viên là Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh dịch vụ - Chi nhánh Công ty Quản lý đường sắt Hà Hải có trụ sở tại phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội và XN Xây lắp Công trình - Chi nhánh Công ty Quản lý đường sắt Hà Hải có trụ sở tại Phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội. Ngoài ra, Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 1.200 người (Tại ngày 06/01/2016 là 1.237 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Từ ngày 06/01/2016, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần. Do đó, thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính này là số liệu luỹ kế kể từ đầu năm báo cáo (01/01/2015) đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu (06/01/2016).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính từ ngày 07/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (<3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Giá trị ghi sổ: Các khoản đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Căn cứ lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Theo đánh giá của Ban giám đốc Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016 Công ty không phải trích lập dự phòng khoản đầu tư dài hạn nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- ***Phải thu khách hàng:*** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- ***Phải thu khác***: Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý…)

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

Thời gian quá hạn	*Tỷ lệ trích lập dự phòng*
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Các khoản phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn: Trích lập dự phòng trên cơ sở dự kiến mức tổn thất không thu hồi được.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02- "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng sản lượng dở dang (giá trị đã thực hiện nhưng chưa được nghiệm thu) nhân với (x) đơn giá dự toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời…) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..., nên không cần trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

a/ Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá TSCĐ HH đã được đánh giá lại trong trường hợp:

- Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thực hiện tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi hình thức: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa…) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được chia làm 2 nhóm: Nhóm 1 phục vụ cho hoạt động công ích, nhóm 2 phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. TSCĐHH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ hữu hình nhóm 1	**Số năm**
Nhà cửa, vật kiến trúc	20-25 năm
Máy móc thiết bị	05-12 năm
Tài sản cố định khác	20 năm
Nhóm TSCĐ hữu hình nhóm 2	**Số năm**
Nhà cửa, vật kiến trúc	07-15 năm
Máy móc thiết bị	08-12 năm
Phương tiện vận tải	08 năm
Thiết bị quản lý	05 năm

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình của Công ty là là giá trị quyền sử dụng lâu dài của chiều dài nền đường sắt thuộc các xã, phường, thị trấn trên cung đường sắt thuộc phạm vi quản lý của Công ty. Công ty không thực hiện tính hao mòn đối với tài sản cố định vô hình nêu trên.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về "sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

6. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm:

Loại chi phí	*Thời gian phân bổ*
Phí sử dụng đường bộ	Theo thời gian trả trước của chi phí
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa DNNN và Chênh lệch đánh giá lại công cụ dụng cụ khi cổ phần hóa	Thực hiện phân bổ không quá 10 năm khi Công ty cổ phần đi vào hoạt động

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- ***Phải trả người bán:*** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- ***Phải trả khác***: Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ…)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: tiền điện, nước, điện thoại...

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- *Phải trả tiền điện, nước, điện thoại:* Căn cứ bảng kê dịch vụ đã sử dụng và đơn giá áp dụng/Hoặc căn cứ Giấy báo thanh toán của đơn vị cung cấp dịch vụ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu vốn khác của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông góp vốn.

Vốn khác của chủ sở hữu: Là số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động công ích

Doanh thu hoạt động sửa chữa, duy tu đường sắt được ghi nhận dựa trên cơ sở xác nhận của Ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá sửa chữa theo hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động ngoài công ích

Doanh thu hoạt động ngoài công ích chủ yếu là doanh thu hợp đồng xây dựng. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán được khách hằng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		18.002.990	50.486.200
Tiền gửi ngân hàng		3.466.644.576	1.518.909.295
Tiền đang chuyển		-	-
Cộng		**3.484.647.566**	**1.569.395.495**
Các khoản tương đương tiền	(*)	1.230.080.000	5.071.020.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền		**4.714.727.566**	**6.640.415.495**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Chương Dương, với mức lãi suất 5,3%/năm.

2. Phải thu khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban cơ sở hạ tầng - Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	29.551.580.337	22.630.085.548
Công ty Tuyển than Cửa Ông	1.494.479.900	10.341.975.000
Công ty CP Công trình đường sắt	4.867.750.000	-
Phải thu khách hàng tại XN Xây lắp Công trình	1.336.754.000	-
Phải thu khách hàng tại XN Xây lắp và KD Dịch vụ	2.507.463.037	-
Các khách hàng còn lại	11.189.781.234	12.433.340.396
Cộng	**50.947.808.508**	**45.405.400.944**

3. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty phần mềm kế toán FAST - EFFECT	6.840.000	39.320.000
Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp điện lực Hà Nội	30.000.000	30.000.000
Cty CP Công nghệ truyền thông MED	6.990.000	-
Công ty chứng khoán phố Wall	25.000.000	-
Công ty TNHH SX&KD cơ khí Thành Vy	292.169.549	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thuận Minh	50.000.000	-
Các đối tượng khác	1.967.900	82.570.361
Cộng	**412.967.449**	**151.890.361**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

4. Phải thu khác

Phải thu khác ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	478.505.500	-
Tạm ứng	433.263.595	-	1.232.863.142	-
Ký cược, ký quỹ	108.000.000	-		-
Phải thu khác	1.228.443.447	-	1.149.078.568	-
Phải thu thuế TNCN CNV	*4.618.211*	-	*3.502.520*	-
Phải thu lãi dự thu tính trước	*14.714.058*	-	*10.364.557*	-
Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng công trình 1	*130.000.000*	-	*130.000.000*	-
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam (chênh lệch tiền ray áo)	*659.693.450*	-	*651.342.900*	-
Ngân sách nhà nước (Chi phí thu gom, vận chuyển nhượng bán vật tư thu hồi)	*396.125.261*	-	*201.552.227*	-
Các đối tượng khác	*23.292.467*	-	*152.316.364*	-
Cộng	1.769.707.042	-	2.860.447.210	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.260.438.678	-	2.910.690.421	-
Công cụ, dụng cụ	694.796.715	-	274.773.930	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.736.843.229	-	6.111.398.954	-
Cộng	9.692.078.622	-	9.296.863.305	-

6. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí quản lý chờ kết chuyển	-	547.834.519
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	20.944.546	-
- Nhận nợ KH TSCĐ và tiền thuê đất từ VP	5.500.000	-
Cộng	**26.444.546**	**547.834.519**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn		
- Phí sử dụng đường bộ	-	4.963.975
- Đánh giá lại công cụ dụng cụ đã xuất dùng	134.873.316	159.048.000
- Lợi thế kinh doanh	836.694.362	886.694.362
- Các khoản khác	-	-
Cộng	**971.567.678**	**1.050.706.337**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý*	*Tài sản cố định khác*	*Cộng*
Nguyên giá						
Tại ngày 06/01/2016	7.416.169.083	1.852.343.591	5.242.556.000	313.841.558	265.390.000	15.090.300.232
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	**7.416.169.083**	**1.852.343.591**	**5.242.556.000**	**313.841.558**	**265.390.000**	**15.090.300.232**
Hao mòn luỹ kế						-
Tại ngày 06/01/2016	4.015.757.841	1.465.875.152	3.104.634.053	217.889.029	194.888.000	8.999.044.075
Khấu hao trong năm	496.458.776	231.542.950	655.319.500	56.034.712	36.285.178	1.475.641.116
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	**4.512.216.617**	**1.697.418.102**	**3.759.953.553**	**273.923.741**	**231.173.178**	**10.474.685.191**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 06/01/2016	3.400.411.242	386.468.439	2.137.921.947	95.952.529	70.502.000	6.091.256.157
Tại ngày 31/12/2016	**2.903.952.466**	**154.925.489**	**1.482.602.447**	**39.917.817**	**34.216.822**	**4.615.615.041**

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: *213.851.104* *đồng*

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: *265.390.000* *đồng*

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay: *0* *đồng*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Tại ngày 06/01/2016	-	47.000.000	47.000.000
Mua trong năm	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	47.000.000	47.000.000
Hao mòn luỹ kế			
Tại ngày 06/01/2016	-	28.200.000	28.200.000
Khấu hao trong năm	-	11.750.000	11.750.000
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	39.950.000	39.950.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 06/01/2016	-	18.800.000	18.800.000
Tại ngày 31/12/2016	-	7.050.000	7.050.000

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	*0*	đồng
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:	*0*	đồng
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:	*0*	đồng

9. Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Công ty cổ phần Hải Vân Nam	50.091.990		50.091.990	50.091.990		50.091.990
Cộng	**50.091.990**		**50.091.990**	**50.091.990**		**50.091.990**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

10. Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty CP Đá Phủ lý	1.253.033.800	1.253.033.800	656.852.900	656.852.900
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	157.636.796	157.636.796	107.201.040	107.201.040
XN cơ khí Đông Anh	1.362.002.423	1.362.002.423	1.139.053.201	1.139.053.201
Công ty CP ĐT công trình Hà Nội	1.367.886.037	1.367.886.037	861.332.937	861.332.937
Công ty CP TCTy Công trình ĐS (Ray P50)	765.781.541	765.781.541	4.341.482.751	4.341.482.751
Công ty CP XNK VTTB đường sắt	677.706.563	677.706.563	284.192.217	284.192.217
Công ty CP ĐS Thanh Hóa	4.047.271.000	4.047.271.000	-	-
DNTN TM&VT Phat Thanh	892.577.827	892.577.827	1.136.920.288	1.136.920.288
Công ty Cổ phần Đầu tư và XDGT Vận Tải	798.814.454	798.814.454	2.801.295.918	2.801.295.918
XN vật liệu xây lắp Cty CP Công trình 6	1.275.181.400	1.275.181.400	1.424.246.851	1.424.246.851
Công ty CP Đường sắt Vĩnh Phú (Máy chèn Áo)	1.698.323.810	1.698.323.810	743.160.755	743.160.755
XN vat tu duong sat Thanh Hoa (TVG)	397.987.522	397.987.522	487.654.321	487.654.321
XNVT TH Đông Anh	619.372.396	619.372.396	1.366.432.055	1.366.432.055
Công ty công nghệ Phúc Minh	712.219.730	712.219.730	-	-
Công ty TNHH TBCN Nam Việt	1.674.355.775	1.674.355.775	-	-
Công ty CP đầu tư và xây dựng Giao thông vận tải	1.094.676.000	1.094.676.000	-	-
Công ty CP Viễn Thông - Tín Hiệu Đường sắt	916.302.543	916.302.543	-	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại dịch vụ Phương Đông	773.111.235	773.111.235	-	-
CN Cty CP XL và CK Cầu đường Xí nghiệp xây lắp công trình giao thông CN	-	-	3.512.778.993	3.512.778.993
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu ĐS Hà Nội	1.648.466.513	1.648.466.513	2.027.027.283	2.027.027.283
Các đối tượng khác	10.611.367.234	10.611.367.234	10.677.859.903	10.677.859.903
Cộng	32.744.074.599	32.744.074.599	31.567.491.413	31.567.491.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

11. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần công trình đường sắt	-	353.847.000
Trung tâm phát triển quỹ đất quận Long Biên	441.000.000	441.000.000
Công ty cổ phần Him Lam	-	696.500.000
Công ty cổ phần quốc tế CT Việt Nam	400.000.000	400.000.000
Công ty CP Miền Bắc (Ctr ĐN km 22+910)	915.000.000	-
Ban QL Huyện Gia lâm (đường Dốc hội)	1.515.929.000	-
Công ty CP VT TTTH Đ/sắt (CTr ĐN km 39+615)	150.000.000	150.000.000
Công ty Công ty ĐTXD Quang Trung	50.000.000	50.000.000
XN Cầu 17 Cienco 1	104.395.000	-
Các khách hàng còn lại	-	202.523.000
Cộng	**3.576.324.000**	**2.293.870.000**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.587.938.980	9.594.911.782	9.675.976.097	3.506.874.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	302.041.544		302.041.544
Thuế thu nhập cá nhân	3.502.520	87.778.288	6.087.732	85.193.076
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.797.760	14.797.760	-
Cộng	**3.591.441.500**	**10.004.529.374**	**9.701.861.589**	**3.894.109.285**
	-			-

Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.629.033	112.191.156	49.562.123	-
Cộng	**62.629.033**	**112.191.156**	**49.562.123**	**-**

Thuế GTGT

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của sản phẩm xây lắp là 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương công trình chưa trả	119.492.261	459.829.694
Tiền ăn ca, phụ cấp khác chưa trả	-	148.516.342
Cộng	**119.492.261**	**608.346.036**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

14. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	1.160.431.772	907.992.137
Bảo hiểm y tế	197.217.586	178.922.035
Bảo hiểm thất nghiệp	89.263.816	69.845.549
Kinh phí công đoàn	1.561.099.700	1.042.095.867
Phải trả về cổ phần hóa	695.287.101	4.596.214.988
Phải trả, phải nộp khác	14.729.312.408	15.653.406.655
Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam	*1.207.026.301*	-
- Chi phí quản lý điều hành	*2.477.638.362*	*5.502.712.086*
- Trích nộp các công trình NN năm 2015	-	*51.608.882*
- Phạt tầu chậm	*8.200.000*	*27.500.000*
Lãi, phí vay dự án máy Pháp	-	*76.496.585*
Máy móc thiết bị thuộc dự án máy Pháp	-	*2.186.525.324*
Tiền mua nhà thanh lý của CBCNV	*639.200.000*	*639.200.000*
Ngân sách nhà nước (Giá trị vật tư thu hồi nhập kho)	*1.185.706.119*	*1.267.114.723*
Ngân sách nhà nước (Tiền bán vật tư thu hồi)	*86.922.686*	*72.944.556*
Các khoản khác	*8.115.517.361*	*5.829.304.499*
Cổ tức phải trả	*1.009.101.579*	-
Cộng	**18.432.612.383**	**22.448.477.231**

15. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	296.105.831	586.714.031
Số trích trong năm	697.157.368	675.861.567
Số sử dụng trong năm	921.062.000	966.469.767
Số dư cuối năm	**72.201.199**	**296.105.831**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	**9.210.485.980**	**1.506.797.841**	**-**	**894.090.874**	**407.344.853**	**12.018.719.548**
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	500.481.829	500.481.829
Tăng khác (*)	2.400.888.715	-	4.632.915.476	-	-	7.033.804.191
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(598.991.046)	(598.991.046)
Giảm khác (**)	(5.146.508.253)	(1.506.797.841)	(334)	(894.090.874)	(308.835.636)	(7.856.232.938)
Số dư cuối năm trước	**6.464.866.442**	**-**	**4.632.915.142**	**-**	**-**	**11.097.781.584**
Số dư đầu năm nay	6.464.866.442	-	4.632.915.142	-	-	11.097.781.584
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.441.573.684	1.441.573.684
Tăng khác (*)	7.992.033.171	-	(4.632.915.142)	-	-	3.359.118.029
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(1.009.101.578)	(1.009.101.578)
Phân phối các quỹ	-	288.314.737	-	-	(432.472.106)	(144.157.369)
Giảm khác (**)	(656.899.613)	-	-	-	-	(656.899.613)
Số dư cuối năm nay	**13.800.000.000**	**288.314.737**	**-**	**-**	**-**	**14.088.314.737**

(*): Tăng khác của vốn đầu tư của chủ sở hữu là do tăng chênh lệch đánh giá lại tài sản, sang nguồn vốn kinh doanh khi chuyển sang công ty cổ phần.

(**): Giảm khác của vốn đầu tư của chủ sở hữu là giá trị hao mòn của TSCĐ bàn giao về Tổng Công ty đường sắt đối với các tài sản loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp. Giảm khác của lợi nhuận chưa phân phối năm này là do nộp các khoản truy thu, phạt do quyết toán thuế, do kê khai thuế sai và các khoản phạt khác trong lĩnh vực thuế.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam (Công ty mẹ)	7.038.000.000	6.464.866.442
Vốn góp của các cổ đông khác	6.762.000.000	-
Cộng	13.800.000.000	6.464.866.442

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	6.464.866.442	9.210.485.980
+ Vốn góp tăng trong năm	7.992.033.171	2.400.888.715
+ Vốn góp giảm trong năm	(656.899.613)	(5.146.508.253)
+ Vốn góp cuối năm	13.800.000.000	6.464.866.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.380.000	1.380.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- *Cổ phiếu phổ thông*	1.380.000	646.487
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- *Cổ phiếu phổ thông*	1.380.000	646.487
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: 7,312%/ mệnh giá CP.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

17. *Chênh lệch đánh giá lại tài sản*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	**4.632.915.142**	-
Tăng trong năm do đánh giá lại tài sản để thực hiện cổ phần hóa công ty	-	4.632.915.476
Giảm trong năm do chuyển phần chênh lệch đánh giá lại tài sản sang vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.632.915.142	334
Số cuối năm	-	**4.632.915.142**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động công ích	113.236.958.982	99.947.968.843
Doanh thu hoạt động ngoài công ích	37.336.901.570	34.921.898.252
Cộng	**150.573.860.552**	**134.869.867.095**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động công ích	105.837.664.068	92.991.464.563
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	33.094.230.351	32.655.201.807
Cộng	**138.931.894.419**	**125.646.666.370**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	711.087.193	655.378.135
Cộng	**711.087.193**	**655.378.135**

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.979.281.227	7.245.211.919
Chi phí vật liệu quản lý	15.640.455	65.517.983
Chi phí khấu hao TSCĐ	88.087.500	-
Thuế, phí và lệ phí	86.509.513	22.905.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.451.542	233.237.337
Chi phí bằng tiền khác	1.861.496.721	2.208.799.619
Cộng	**10.394.297.399**	**9.775.671.925**

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán CCDC	25.000.000	-
Tiền bồi thường trợ cấp thôi việc	-	16.267.500
Nhà thanh lý trước năm 2000	-	527.340.000
Tiền phạt thu được từ đền bù tai nạn đường sắt	32.704.545	98.172.726
Các khoản khác	65.480.969	5.236.556
Cộng	**123.185.514**	**647.016.782**

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí liên quan đến nhà thanh lý trước năm 2000	-	7.330.000
Tiền phạt vi phạm, truy thu	190.077.114	-
Chi phí liên quan đến đền bù tai nạn đường sắt	38.627.943	76.223.075
Các khoản khác	3.750.000	24.727.272
Cộng	**232.455.057**	**108.280.347**

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	407.912.700	141.161.541
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	407.912.700	141.161.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	**1.849.486.384**	**641.643.370**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	**190.077.114**	**-**
Các khoản điều chỉnh tăng	190.077.114	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	2.039.563.498	641.643.370
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	2.039.563.498	641.643.370
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**407.912.700**	**141.161.541**

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Ghi chú
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.441.573.684	(1)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(2)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	1.441.573.684	(3)=(1)+(2)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	(144.157.369)	(4)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	1.380.000	(5)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**940**	**(6)=((3)+(4))/(5)**

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	1.380.000	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm		
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm		
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.380.000	Cổ phiếu

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này phản ánh lãi suy giảm trên cổ phiếu, có tính đến sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Ghi chú
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.441.573.684	(1)
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông:	-	(2)
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông:	-	(3)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	1.441.573.684	(4)=(1)-(2)+(3)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	(144.157.369)	(5)
Số BQGQ của CP phổ thông đang lưu hành trong năm	1.380.000	(6)
Số BQGQ của CP phổ thông sẽ được phát hành thêm trong năm	-	(7)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	940	(8)=((4)+(5))/((6)+(7))

Các giao dịch cổ phiếu phổ thông/cổ phiếu phổ thông tiềm năng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ: Không có

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.849.211.227	29.449.987.279
Chi phí nhân công	85.765.947.845	76.495.479.209
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.373.374.275	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.487.391.116	1.146.709.380
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.293.711.796	11.973.372.826
Chi phí khác bằng tiền	8.444.842.824	16.387.065.751
Cộng	**149.214.479.083**	**135.452.614.445**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. *Cam kết mua sắm tài sản*

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có các cam kết mua sắm tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (*)	2.125.000.000	
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng		
Cộng	**2.125.000.000**	

(*) Công văn số 3733/ĐS-QLHT ngày 02/12/2016 của Công ty mẹ - Tổng công ty đường sắt Việt Nam chấp thuận kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị năm 2016 tại Công ty CP đường sắt Hà Hải gồm 02 máy cắt ray; 04 máy khoan ray; 02 máy xiết bulong; 03 máy chèn cầm tay. Ngày 30/12/2016 HĐQT Công ty đã có quyết định số 1514/QĐ-ĐSHH về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án. Ngày 06/01/2017 HĐQT công ty đã có Quyết định số 16/QĐ-ĐSHH về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Ngày 09/01/2017 HĐQT Công ty đã có quyết định số 22/QĐ-ĐSHH về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu mua sắm máy móc thiết bị phục vụ công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt của Công ty CP đường sắt Hà Hải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

a/ Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay
Hội đồng quản trị	
Thù lao	6.000.000
Lương, phụ cấp	211.361.782
Ban Giám đốc	
Lương, phụ cấp	960.358.628

b/ Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Ban Cơ sở hạ tầng đường sắt	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 2	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty vận tải hành khách Đường sắt Hà Nội	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty
Xí nghiệp vật tư Đường sắt Thanh Hóa	Đơn vị trong cùng Tổng Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công ích	113.236.958.982
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	4.761.069.170
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	Cung cấp dịch vụ	9.752.727
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	Cung cấp dịch vụ	10.450.427
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Cung cấp dịch vụ	7.112.727
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	Cung cấp dịch vụ	7.399.091
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	Cung cấp dịch vụ	12.635.455
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	Cung cấp dịch vụ	8.193.636
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	Cung cấp dịch vụ	6.254.545
Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	Cung cấp dịch vụ	7.494.545
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Cung cấp dịch vụ	5.809.091
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	6.222.727
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Cung cấp dịch vụ	11.957.273
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Cung cấp dịch vụ	2.077.387.035
Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	7.642.727
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	Cung cấp dịch vụ	5.172.727
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	459.611.636

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

Nợ phải thu	31/12/2016	06/01/2016
Ban Cơ sở hạ tầng đường sắt - Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam	29.551.580.337	22.630.085.548
Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 2		411.776.000
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam (chênh lệch Ray Áo)	659.693.450	651.342.900
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	32.184.000	21.456.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	11.495.470	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	7.824.000	31.296.397
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	8.139.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	13.899.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	9.013.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	6.880.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	8.244.000	32.975.489
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	6.390.000	10.261.114
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	6.845.000	27.378.518
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	13.153.000	52.611.529
Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	8.407.000	33.628.469
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	5.690.000	23.367.355
Công ty vận tải hành khách Đường sắt Hà Nội	130.000.000	130.000.000
Công ty Cổ phần Công trình đường Sắt	4.867.750.000	
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	751.551.628	
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	2.351.776.325	1.846.203.525
Cộng	**38.450.557.945**	**25.902.425.219**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(Tiếp theo)*

Năm 2016

Nợ phải trả	31/12/2016	06/01/2016
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	5.465.719.797	7.844.842.877
- Phí quản lý điều hành	*2.477.638.362*	*5.502.712.086*
- Lợi nhuận phải nộp	*514.641.805*	-
- Trích nộp các công trình ngoài ngành năm 2015	-	*51.608.882*
- Phạt tầu chậm năm 2015	*8.200.000*	*27.500.000*
- Lãi, phí vay dự án Máy Pháp	-	*76.496.585*
- Gốc vay dự án máy Pháp	-	*2.186.525.324*
- Chi phí thuê máy	*1.207.026.301*	-
- CF khấu hao thuê nhà, kiến trúc N2	*601.313.716*	-
- C/lệch g/trị TT vốn NN & Cty CP	*656.899.613*	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	1.698.323.810	743.160.755
Công ty Cổ phần xe lửa Gia Lâm	157.636.796	107.201.040
Công ty CP TCTy Công trình ĐS	765.781.541	4.341.482.751
Xí nghiệp vật tư Đường sắt Thanh Hóa	397.987.522	487.654.321
Công ty CP Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	150.000.000	2.027.027.283
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	4.047.271.000	-
Cộng	**18.148.440.263**	**23.396.211.904**

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 06/01/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập ngày 27 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Hồng Vân	Hoàng Đức Tài	Nguyễn Quốc Vượng